

THÔNG TƯ

Quy định về tiêu chuẩn khen thưởng và đề nghị khen thưởng vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc tế

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao và Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng,

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn khen thưởng và đề nghị khen thưởng vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc tế,

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn khen thưởng và đề nghị khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc tế bao gồm: Đại hội Thể thao Thế giới (Olympic Games), Đại hội Thể thao trẻ Thế giới (YOG), Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD), Đại hội Thể thao trẻ Châu Á (AYGS), Đại hội Thể thao Bãi biển Châu Á (ABG), Đại hội Thể thao võ thuật và trong nhà Châu Á (AIMAG), Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Đại hội Thể thao người khuyết tật Thế giới (Paralympic Games), Đại hội Thể thao người khuyết tật Châu Á (ASIAN Para Games), Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á



(ASEAN Para Games) và các giải vô địch từng môn thể thao, giải vô địch trẻ từng môn thể thao Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển thể thao quốc gia, đội tuyển thể thao quốc gia người khuyết tật (sau đây gọi tắt là vận động viên, huấn luyện viên).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Môn thể thao Olympic: là môn thể thao được đưa vào chương trình thi đấu chính thức tại Đại hội Thể thao thế giới gần nhất diễn ra trước đó và liên kế giải thể thao quốc tế vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích.

2. Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên: là huấn luyện viên được phân công trực tiếp huấn luyện, theo dõi, chỉ đạo các vận động viên thi đấu tại giải thể thao quốc tế.

Điều 4. Hình thức khen thưởng

1. Huân chương Lao động hạng nhất, hạng nhì và hạng ba.
2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng và đề nghị khen thưởng

Việc khen thưởng và đề nghị khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc tế phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư số 21/2014/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về công tác thi đua khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các nguyên tắc sau:

1. Chú trọng khen thưởng các vận động viên, người trực tiếp tham gia thi đấu giành thành tích. Ưu tiên khen thưởng các vận động viên thuộc nhóm môn thể thao Olympic.

2. Việc đề nghị khen thưởng huấn luyện viên chỉ áp dụng đối với các huấn luyện viên trực tiếp tham gia huấn luyện vận động viên đạt thành tích xuất sắc. Trường hợp nhiều huấn luyện viên huấn luyện một vận động viên đạt thành tích xuất sắc, căn cứ theo mức độ đóng góp, Đội Thể thao, Đoàn Thể thao Việt Nam có trách nhiệm chọn và giới thiệu huấn luyện viên tiêu biểu đề đề nghị khen thưởng.

3. Đối với các môn thi đấu tập thể, cần lựa chọn những vận động viên, huấn luyện viên tiêu biểu, điển hình có nhiều đóng góp lớn đối với thành tích chung của tập thể khi đề nghị khen thưởng cấp nhà nước.

4. Đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong một năm thì xem xét thành tích cao nhất của vận động viên, huấn luyện viên đó để đề nghị khen thưởng cấp nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng Huân chương Lao động hạng nhất

1. Vận động viên đạt huy chương Vàng tại Olympic Games hoặc Paralympic Games.

2. Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt huy chương Vàng tại Olympic Games.

Điều 7. Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng Huân chương Lao động hạng nhì

1. Vận động viên đạt một trong các tiêu chuẩn sau được đề nghị khen thưởng Huân chương Lao động hạng nhì:

- a) Đạt huy chương Bạc tại Olympic Games hoặc Paralympic Games;
- b) Đạt 02 huy chương Vàng cá nhân tại một kỳ ASIAD của môn thể thao Olympic;
- c) Đạt huy chương Vàng tại ASIAD và phá kỷ lục Đại hội;
- d) Đạt 02 huy chương Vàng tại một kỳ ASIAN Para Games;
- d) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch thế giới của môn thể thao Olympic.

2. Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt một trong các thành tích sau được đề nghị khen thưởng Huân chương Lao động hạng nhì:

- a) Đạt huy chương Bạc tại Olympic Games;
- b) Đạt huy chương Vàng tại Paralympic Games;
- c) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch thế giới của môn thể thao Olympic;
- d) Đạt 02 huy chương Vàng tại một kỳ ASIAD hoặc 03 huy chương vàng tại một kỳ ASIAN Para Games.

Điều 8. Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng Huân chương Lao động hạng ba

1. Vận động viên đạt một trong các tiêu chuẩn sau được đề nghị khen thưởng Huân chương Lao động hạng ba:

- a) Đạt huy chương Đồng tại Olympic Games hoặc Paralympic Games
- b) Đạt huy chương Vàng tại ASIAD hoặc ASIAN Para Games;
- c) Đạt 03 huy chương Vàng tại một kỳ SEA Games;
- d) Đạt 02 huy chương Vàng cá nhân tại một kỳ SEA Games của môn thể thao Olympic;
- d) Đạt huy chương Vàng cá nhân SEA Games và phá kỷ lục SEA Games;
- e) Đạt huy chương Vàng tại 03 kỳ SEA Games liên tiếp của môn thi có một nội dung thi đấu;
- g) Đạt 03 huy chương Vàng tại một kỳ ASEAN Para Games;
- h) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch thế giới của môn thể thao Olympic.



2. Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt một trong các thành tích sau được đề nghị khen thưởng Huân chương Lao động hạng ba:

- a) Đạt huy chương Đồng tại Olympic Games hoặc huy chương Bạc tại giải vô địch thế giới của môn thể thao Olympic;
- b) Đạt huy chương Bạc tại Paralympic Games;
- c) Đạt huy chương Vàng tại ASIAD hoặc 02 huy chương Vàng tại một kỳ ASIAN Para Games;
- d) Đạt 05 huy chương Vàng tại một kỳ SEA Games hoặc 05 huy chương Vàng tại một kỳ ASEAN Para Games.

Điều 9. Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Vận động viên đạt một trong các tiêu chuẩn sau được đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

- a) Đạt huy chương Bạc tại một trong các kỳ Đại hội sau: ASIAD, ASIAN ParaGames;
- b) Đạt huy chương Vàng tại một trong các kỳ Đại hội sau: ABG, AIMAG;
- c) Đạt huy chương Vàng tại SEA Games;
- d) Đạt 02 huy chương Vàng tại một kỳ ASEAN Para Games hoặc huy chương Vàng cá nhân của môn thể thao có một nội dung thi đấu tại Đại hội;
- đ) Đạt huy chương Vàng tại một trong các kỳ Đại hội sau: YOG, AYGS;
- e) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch thế giới của môn thể thao không thuộc nhóm môn thể thao Olympic;
- g) Đạt huy chương Bạc tại giải vô địch thế giới của môn thể thao Olympic;
- h) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch Châu Á của môn thể thao Olympic;
- i) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch thể thao người khuyết tật Châu Á từng môn;
- k) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch trẻ thế giới của môn thể thao Olympic.

2. Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt một trong các thành tích sau được đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

- a) Đạt huy chương Đồng tại Paralympic Games;
- b) Đạt huy chương Vàng tại một trong các kỳ Đại hội sau: ASIAN Para Games, AYG, ABG, AIMAG;
- c) Đạt huy chương Bạc tại ASIAD hoặc huy chương Vàng tại giải vô địch Châu Á của các môn thể thao Olympic;
- d) Đạt 03 huy chương Vàng tại một kỳ SEA Games hoặc 03 huy chương Vàng tại một kỳ ASEAN Para Games;

đ) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch thế giới của môn thể thao không thuộc nhóm môn thể thao Olympic.

Điều 10. Tiêu chuẩn khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Vận động viên đạt một trong các tiêu chuẩn sau được khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- a) Đạt huy chương Đồng tại ASIAD hoặc ASIAN Para Games
- b) Đạt huy chương Bạc hoặc huy chương Đồng tại một trong các kỳ Đại hội sau: ABG, AIMAG, YOG, AYG;
- c) Đạt huy chương Vàng đồng đội tại ASEAN ParaGames ;
- d) Đạt huy chương Bạc hoặc huy chương Đồng tại ASEAN ParaGames ;
- đ) Đạt huy chương Đồng tại giải vô địch thế giới của môn thể thao Olympic;
- e) Đạt huy chương Bạc hoặc huy chương Đồng tại giải vô địch thế giới của môn thể thao không thuộc nhóm môn Olympic;
- g) Đạt huy chương Bạc hoặc huy chương Đồng tại giải vô địch Châu Á của môn thể thao Olympic;
- h) Đạt huy chương Bạc hoặc huy chương Đồng tại giải vô địch thể thao người khuyết tật Châu Á từng môn;
- i) Đạt huy chương Vàng tại một trong các giải thể thao quốc tế sau: giải vô địch Đông Nam Á, giải vô địch trẻ thế giới của môn thể thao không thuộc nhóm môn Olympic, giải vô địch trẻ Châu Á, giải vô địch trẻ Đông Nam Á;
- k) Đạt huy chương Bạc hoặc huy chương Đồng tại giải vô địch trẻ thế giới;
- l) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch thể thao người khuyết tật Đông Nam Á từng môn;
- m) Thi đấu xuất sắc vượt qua vòng loại, đạt suất chính thức tham dự Olympic Games hoặc Paralympic Games;

2. Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt một trong các thành tích sau được khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- a) Đạt huy chương Bạc hoặc huy chương Đồng tại một trong các kỳ Đại hội sau: ASIAN Para Games, AYG, ABG, AIMAG;
- b) Đạt huy chương Đồng tại ASIAD;
- c) Đạt huy chương Bạc hoặc huy chương Đồng tại giải vô địch Châu Á các môn thể thao Olympic;
- d) Đạt huy chương tại giải vô địch Châu Á của môn thể thao không thuộc nhóm môn thể thao Olympic;
- đ) Đạt huy chương tại SEA Games hoặc ASEAN Para Games;
- e) Đạt huy chương Vàng tại giải vô địch Đông Nam Á các môn thể thao;



g) Thi đấu xuất sắc vượt qua vòng loại, đạt suất chính thức tham dự Olympic Games hoặc Paralympic Games.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

1. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng hợp lệ của các Đoàn, Đội thể thao, Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo đề xuất, hoàn thiện hồ sơ khen thưởng trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Hồ sơ khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Tổng cục Thể dục Thể thao, Vụ Thi đua, Khen thưởng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /*th*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan Ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Ủy ban TW Mặt trận TQVN;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương;
- Sở VH-TTDL các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ VH-TTDL
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ VH-TTDL;
- Công báo, Website của Chính phủ và Bộ VH-TTDL;
- Lưu: VP, TĐKT, TCTDĐT, HG (400).

